

PHÁP LUẬT VỀ CƠ CHẾ XỬ LÝ NHANH THỦ TỤC ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI DỰ ÁN CÔNG NGHỆ CAO Ở SINGAPORE VÀ BÀI HỌC CHO VIỆT NAM

VŨ ĐẶNG HẢI YẾN
Trường Đại học Thương mại

Nhận bài ngày 09/01/2026. Sửa chữa xong 24/02/2026. Duyệt đăng 28/02/2026.

Abstract

Amid global competition to attract high-technology investment, institutional reform aimed at shortening the time required to process investment procedures has increasingly become a key element of national development strategies. Singapore is widely regarded as a leading model due to its fast-track mechanism for high-technology investment projects. This article examines the legal framework and practical implementation of this mechanism in Singapore, arguing that its effectiveness lies not in relaxing legal standards but in the organization of law enforcement, institutional coordination, and effective risk control. On that basis, the article draws lessons for Vietnam in improving investment law in alignment with sustainable development objectives.

Keywords: High technology, investment law, investment procedures, Singapore.

1. Đặt vấn đề

Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư và sự tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu đã làm thay đổi căn bản phương thức cạnh tranh trong thu hút đầu tư giữa các quốc gia. Trong bối cảnh đó, năng lực thể chế và hiệu quả tổ chức thực thi pháp luật đầu tư ngày càng trở thành yếu tố quyết định đối với lựa chọn địa điểm đầu tư của các tập đoàn công nghệ, thay thế vai trò truyền thống của chi phí lao động và ưu đãi thuế. Rút ngắn thời gian xử lý thủ tục đầu tư vì vậy được xem là một công cụ chính sách quan trọng nhằm giảm chi phí tuân thủ và rủi ro thể chế cho nhà đầu tư. Tuy nhiên, cải cách thủ tục nếu chỉ dừng ở việc giản lược hình thức hoặc nói lỏng chuẩn mực pháp lý có thể làm suy giảm hiệu lực quản lý nhà nước, đặc biệt trong các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro cao như công nghệ cao. Thực tiễn Singapore cho thấy khả năng tiệm cận sự cân bằng giữa yêu cầu xử lý nhanh thủ tục đầu tư và việc duy trì các chuẩn mực pháp luật nghiêm ngặt thông qua tổ chức thực thi pháp luật và kiểm soát rủi ro hiệu quả. Việc nghiên cứu mô hình này vì vậy có ý nghĩa lý luận và thực tiễn đối với Việt Nam trong quá trình hoàn thiện pháp luật đầu tư gắn với phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Pháp luật Singapore về cơ chế xử lý nhanh thủ tục đầu tư đối với dự án công nghệ cao

Khác với cách tiếp cận của Việt Nam khi xây dựng một chế định “thủ tục đầu tư đặc biệt” thành một nội dung riêng trong Luật Đầu tư¹, Singapore không thiết kế một thủ tục đặc thù dưới dạng quy

1) Điều 36 a Thủ tục đầu tư đặc biệt. Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đầu thầu; Điều 28 Luật Đầu tư 2025 (dự kiến có hiệu lực từ 1/3/2026).

(*) Nghiên cứu này được thực hiện trong khuôn khổ Đề tài khoa học cấp cơ sở: “Thủ tục đầu tư đặc biệt theo quy định của pháp luật Việt Nam – Cơ hội và thách thức cho sự phát triển của các Dự án công nghệ cao”, Trường Đại học Thương mại, 2026.

Email: yen.vdh@gmail.com.

DOI: 10.64410/ADCB8144

trình pháp lý độc lập, mà xây dựng một cơ chế pháp lý – hành chính có bản chất tương đương thông qua việc “luật hóa” vai trò của cơ quan đầu mối điều phối đầu tư và duy trì hệ thống luật chuyên ngành kiểm soát rủi ro. Dưới góc độ khoa học pháp lý, “xử lý nhanh thủ tục đầu tư” tại Singapore không phải là một chế định pháp luật, mà là kết quả vận hành của một cấu trúc pháp lý – thể chế tổng hợp, trong đó pháp luật về tổ chức bộ máy nhà nước, pháp luật điều chỉnh hoạt động đầu tư và hệ thống luật chuyên ngành được thiết kế nhằm giảm chi phí phối hợp, tăng tính dự báo và bảo đảm kiểm soát rủi ro.

Trọng tâm của cơ chế này là Cơ quan Phát triển Kinh tế Singapore (Economic Development Board – EDB), được thành lập theo Đạo luật Phát triển Kinh tế Singapore (*Economic Development Board Act*, Cap.85²). EDB là một cơ quan pháp định (Statutory Board) trực thuộc Bộ Thương mại và Công nghiệp, có tư cách pháp nhân độc lập được giao chức năng xúc tiến đầu tư, thúc đẩy phát triển công nghiệp và hỗ trợ phát triển các ngành kinh tế chiến lược, trong đó bao gồm các lĩnh vực công nghệ cao, nghiên cứu – phát triển và đổi mới sáng tạo. Với tư cách là một cơ quan pháp định, EDB không phải là cơ quan hành chính thuần túy mà là một thiết chế lai giữa quản lý công và quản trị theo cơ chế thị trường. EDB được trao mức độ tự chủ tương đối về tài chính và nhân sự, có khả năng thu hút chuyên gia trình độ cao với chế độ đãi ngộ cạnh tranh, đồng thời vẫn thực hiện quyền lực nhà nước trong phạm vi luật định. Chính cấu trúc thể chế này tạo điều kiện để EDB vận hành linh hoạt, phản ứng nhanh với yêu cầu của nhà đầu tư công nghệ cao, khác biệt căn bản với mô hình cơ quan hành chính truyền thống vốn nặng về thủ tục hình thức. Trên cơ sở chức năng pháp định được xác lập trong EDB Act và các chiến lược phát triển kinh tế quốc gia [6]³, EDB giữ vai trò trung tâm trong xúc tiến đầu tư và điều phối triển khai các dự án công nghệ cao. Singapore không tổ chức xử lý nhanh thủ tục bằng cách cắt bỏ các tiêu chuẩn pháp lý, mà bằng cách tập trung quyền điều phối vào một đầu mối duy nhất có thẩm quyền thực chất, từ đó giảm đáng kể hiện tượng phân mảnh quản lý và chông chéo thủ tục giữa các cơ quan nhà nước. Trong lý luận chính sách công, cơ chế này được xem là giúp triệt tiêu đáng kể “điểm nghẽn pháp lý” (*regulatory friction*) phát sinh từ sự phân tán thẩm quyền và thiếu phối hợp liên ngành. Về tổ chức thực hiện, EDB được thiết kế và vận hành như một cơ quan một cửa (one-stop agency) thực chất đối với nhà đầu tư. Theo mô tả chính thức của EDB [2], cơ quan này là đầu mối hỗ trợ doanh nghiệp “thiết lập, mở rộng và thành công tại Singapore”, bao gồm từ việc tiếp cận chính sách ưu đãi, lựa chọn địa điểm đầu tư, đến kết nối với các cơ quan chuyên môn khác như Bộ Nhân lực (MOM), Cơ quan Môi trường Quốc gia (NEA), Cơ quan Xây dựng và các đơn vị quản lý hạ tầng. Mô hình này cho phép nhà đầu tư công nghệ cao không phải tự tiếp xúc và xử lý thủ tục với nhiều cơ quan khác nhau, mà được EDB dẫn dắt xuyên suốt toàn bộ quá trình đầu tư.

Một đặc điểm quan trọng của pháp luật Singapore là việc xử lý nhanh thủ tục đầu tư không mang tính đại trà mà được áp dụng có chọn lọc, gắn chặt với chiến lược phát triển công nghệ quốc gia. Singapore chỉ ưu tiên các dự án thuộc những lĩnh vực công nghệ chiến lược như trí tuệ nhân tạo, bán dẫn, công nghệ sinh học, công nghệ xanh và tài chính số – những lĩnh vực được xác định trong Chiến lược quốc gia về nghiên cứu và đổi mới sáng tạo [6] và các Bản đồ chuyển đổi ngành công nghiệp (*Industry Transformation Maps – ITMs*) [8]. Cách tiếp cận này giúp Singapore tránh tình trạng “đặc biệt hóa tràn lan”, đồng thời tập trung nguồn lực pháp lý và hành chính cho các dự án thực sự có giá trị chiến lược.

Trong khi tạo thuận lợi tối đa về mặt thủ tục hành chính, pháp luật Singapore lại duy trì hệ thống kiểm soát rủi ro rất chặt chẽ đối với các dự án công nghệ cao. Trụ cột quan trọng của cơ chế này

2) *Economic Development Board Act 1961 (2020 Revised Edition)*. Nguồn truy cập: <https://sso.agc.gov.sg/Act/EDBA1961>. Truy cập lần cuối 10/1/2026.

3) Chẳng hạn như Kế hoạch Nghiên cứu, Đổi mới và Doanh nghiệp 2025 (RIE 2025). Đây là chiến lược nền tảng nhất cho các dự án công nghệ cao. Chính phủ Singapore đã cam kết chi 28 tỷ SGD cho giai đoạn 2021-2025 để thúc đẩy R&D. EDB là cơ quan thực thi trọng tâm trong mảng “Kinh tế số” và “Sản xuất tiên tiến”. Theo đó EDB sử dụng nguồn lực từ RIE2025 để cung cấp các khoản hỗ trợ tài chính (Grants) cho doanh nghiệp CNC thông qua các điều khoản về quyền hạn tài chính trong Phần IV của EDB Act.

là Đạo luật Quản lý và Bảo vệ Môi trường (*Environmental Protection and Management Act – EPMA*)⁴. EPMA trao cho cơ quan quản lý môi trường quyền yêu cầu các cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm thực hiện các biện pháp kiểm soát, khắc phục, tuân thủ điều kiện vận hành nghiêm ngặt và chịu các chế tài mạnh nếu vi phạm. Đặc biệt, EPMA quy định cơ chế kiểm soát chuyên sâu đối với các cơ sở có rủi ro cao thông qua việc yêu cầu thực hiện các nghiên cứu phân tích nguy cơ và tác động (*impact analysis studies*) đối với các “hazardous installations”, tức các cơ sở liên quan đến lưu trữ, xử lý hoặc sử dụng các chất nguy hại⁵. Quy định này cho phép cơ quan quản lý không chỉ dừng lại ở việc kiểm tra hình thức hồ sơ mà có thể buộc doanh nghiệp tiến hành đánh giá kỹ thuật chuyên sâu, đặc biệt phù hợp với các dự án công nghệ cao trong lĩnh vực hóa chất, vật liệu mới, pin, bán dẫn và công nghệ sinh học. Bên cạnh môi trường, Singapore còn kiểm soát chặt chẽ rủi ro liên quan đến công nghệ nhạy cảm thông qua hệ thống pháp luật về kiểm soát hàng hóa và công nghệ chiến lược, tiêu biểu là *Strategic Goods (Control) Act*⁶. Theo hướng dẫn của Cơ quan Hải quan Singapore [11], không chỉ hàng hóa hữu hình mà cả việc truyền tải điện tử công nghệ, dữ liệu và tri thức nhạy cảm ra nước ngoài cũng có thể thuộc diện phải xin phép nếu liên quan đến công nghệ chiến lược hoặc có khả năng ảnh hưởng đến an ninh quốc gia. Điều này đặc biệt quan trọng đối với các dự án công nghệ cao trong lĩnh vực bán dẫn, trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn, nơi ranh giới giữa hoạt động kinh doanh và rủi ro an ninh ngày càng trở nên mong manh.

Một điểm đáng chú ý khác trong thực trạng pháp luật Singapore là cơ chế bảo đảm hiệu lực thực thi thông qua hệ thống đánh giá hiệu quả hoạt động của khu vực công. Các Statutory Boards như EDB chịu sự giám sát về hiệu quả thực hiện nhiệm vụ thông qua các khung đánh giá thành tích và trách nhiệm giải trình của Chính phủ Singapore [10]. Cơ chế này khiến trách nhiệm điều phối giữa EDB với các bộ, ngành liên quan không chỉ dừng lại ở nghĩa vụ pháp lý hình thức mà trở thành áp lực thực thi thực tế, gắn kết quả phối hợp liên ngành với trách nhiệm của người đứng đầu và cơ quan thực thi.

Từ thực trạng pháp luật nêu trên có thể thấy, Singapore không rút ngắn thủ tục đầu tư công nghệ cao bằng cách “nới lỏng luật”, mà bằng cách thiết kế một cấu trúc thể chế đủ mạnh để vừa xử lý nhanh về hành chính, vừa duy trì kiểm soát rủi ro thực chất thông qua luật chuyên ngành. Đây chính là điểm cốt lõi làm nên tính hiệu quả và bền vững của mô hình Singapore trong thu hút và quản lý đầu tư công nghệ cao.

2.2. Thực tiễn thi hành cơ chế rút ngắn thời gian xử lý thủ tục đầu tư đối với dự án công nghệ cao của Singapore

Trên cơ sở khuôn khổ pháp luật và thiết chế tổ chức đã được xác lập, Singapore triển khai cơ chế xử lý nhanh thủ tục đầu tư đối với dự án công nghệ cao theo hướng thực chất, có chọn lọc và gắn chặt với chiến lược phát triển quốc gia. Cơ chế này không được vận hành như một “ưu đãi thủ tục” đơn thuần, mà như một công cụ điều hành phát triển kinh tế – công nghệ có kiểm soát.

Trước tiên, trọng tâm của cơ chế này là vai trò của Cơ quan Phát triển Kinh tế Singapore (EDB) với tư cách là cơ quan pháp định giữ vai trò điều phối xuyên suốt toàn bộ vòng đời dự án, từ tiếp cận ban đầu, cấp phép đến theo dõi thực hiện và hậu kiểm. EDB không chỉ tiếp nhận hồ sơ mà còn tham gia cấu trúc dự án cùng nhà đầu tư, kết nối với các cơ quan chuyên môn như Bộ Thương mại và Công nghiệp (MTI), Bộ Nhân lực (MOM), Cơ quan Môi trường Quốc gia (NEA) và Cơ quan Xây dựng (BCA). Cơ chế điều phối tập trung này giúp rút ngắn đáng kể thời gian xử lý thủ tục mà không hạ thấp các chuẩn mực pháp lý.

4) Parliament of Singapore (1999, 2020). *Environmental Protection and management Act 1999, 2020 revised edition*. Truy cập tại link: <https://sso.agc.gov.sg/Act/EPMA1999>. Truy cập lần cuối 10/1/2026.

5) Parliament of Singapore (1999, 2020). *Environmental Protection and Management Act 1999*. Nguồn: <https://faolex.fao.org/docs/pdf/sin86441.pdf>. Truy cập lần cuối 10/1/2026.

6) Parliament of Singapore (2002, 2020). *Strategic Goods (Control) Act 2002, 2020 revised edition*. Truy cập tại <https://sso.agc.gov.sg/Act/SGCA2002>. Truy cập lần cuối 10/1/2026.

Thực tiễn thi hành pháp luật đầu tư tại Singapore ghi nhận sự thành công của các chương trình thu hút nhà đầu tư công nghệ cao mang tính chiến lược và chọn lọc cao, tiêu biểu là Chương trình Nhà đầu tư Toàn cầu – GIP do EDB quản lý, tạo kênh tiếp cận nhanh đối với nhà đầu tư chiến lược thông qua hỗ trợ thủ tục đầu tư và cấp quyền cư trú gắn với cam kết kinh tế dài hạn [3]. Để tránh thu hút vốn đại trà, Singapore đã liên tục siết chặt tiêu chí GIP. Từ năm 2023, ngưỡng đầu tư tối thiểu được nâng lên ít nhất 10 triệu SGD đối với đầu tư trực tiếp kèm yêu cầu tạo việc làm cho người Singapore, 25 triệu SGD đối với đầu tư qua quỹ và quy mô tài sản quản lý có thể lên tới 200 triệu SGD đối với mô hình family office [1]. Những điều chỉnh này phản ánh sự chuyển dịch từ chiến lược “thu hút vốn lớn” sang “thu hút vốn chất lượng cao có cam kết phát triển thực chất”. Đồng thời, GIP được gắn với cơ chế hậu kiểm nghiêm ngặt, trong đó EDB có quyền áp dụng cơ chế truy thu ưu đãi (clawback) nếu nhà đầu tư không đạt các cột mốc cam kết về giải ngân, lao động trình độ cao và hoạt động R&D.

Song song với EDB, vai trò của JTC Corporation – cơ quan pháp định quản lý hạ tầng công nghiệp – là yếu tố then chốt khác trong thực tiễn triển khai pháp luật. EDB và JTC hình thành một “cặp phối hợp” trong điều phối đầu tư công nghệ cao: EDB phụ trách chính sách và thủ tục, JTC đảm nhiệm quy hoạch không gian, hạ tầng và đất đai – xây dựng trong các khu công nghệ cao [4]. Sự phối hợp này thể hiện rõ tại các không gian công nghệ tích hợp như One-north hay Jurong Innovation District [5] – khu công nghiệp thể hệ mới phục vụ Công nghiệp 4.0 do JTC phát triển. Điều này cho thấy xử lý nhanh thủ tục đầu tư luôn gắn với sự sẵn sàng về hạ tầng và mặt bằng. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng xử lý nhanh thủ tục tại Singapore không đồng nghĩa với chi phí tuân thủ thấp. Việc đáp ứng các yêu cầu nghiêm ngặt của Đạo luật Quản lý và Bảo vệ Môi trường (EPMA) về kiểm soát phát thải, chất thải nguy hại và đánh giá rủi ro môi trường đòi hỏi doanh nghiệp đầu tư lớn vào công nghệ môi trường và hệ thống giám sát. Tương tự, trong lĩnh vực an ninh công nghệ, Đạo luật Kiểm soát Hàng hóa Chiến lược (SGCA) kiểm soát cả việc chuyển giao công nghệ vô hình, bao gồm dữ liệu số và tri thức kỹ thuật ra nước ngoài, tạo áp lực tuân thủ đáng kể đối với doanh nghiệp công nghệ cao. Điều này cho thấy Singapore nhanh về thủ tục hành chính, nhưng không “dễ dãi” về chuẩn pháp lý. Một yếu tố quan trọng khác hỗ trợ hiệu quả của cơ chế xử lý nhanh thủ tục đầu tư tại Singapore là tính nhất quán và hiệu quả của hệ thống tư pháp. Singapore xây dựng các thiết chế tư pháp chuyên biệt như Tòa án Thương mại Quốc tế Singapore – SICC và các cơ chế giải quyết tranh chấp sở hữu trí tuệ, cho phép xử lý nhanh chóng, chuyên sâu các tranh chấp liên quan đến đầu tư và công nghệ [12]. Trong bối cảnh đó, thủ tục hành chính nhanh chỉ thực sự có ý nghĩa khi được bảo đảm bởi một hệ thống tài phán hiệu quả, giúp nhà đầu tư yên tâm rằng tranh chấp phát sinh sẽ được giải quyết kịp thời, minh bạch và có tính dự đoán cao.

Nhờ mô hình triển khai pháp luật nhất quán và chặt chẽ như vậy, Singapore đạt được nhiều thành tựu nổi bật trong thu hút và quản lý đầu tư công nghệ cao. OECD đánh giá Singapore là một trong những quốc gia dẫn đầu châu Á về môi trường đầu tư và năng lực đổi mới sáng tạo [9]. Đồng thời, Ngân hàng Thế giới trong bộ chỉ số mới Business Ready cũng xếp Singapore vào nhóm quốc gia có môi trường thể chế thuận lợi hàng đầu cho hoạt động kinh doanh và đầu tư⁷. Như vậy, từ góc độ pháp lý, có thể khẳng định rằng thành công của Singapore không bắt nguồn từ việc “nới lỏng pháp luật”, mà từ việc duy trì tính toàn vẹn của khung pháp lý đồng thời tổ chức bộ máy và cơ chế điều phối đủ mạnh để xử lý nhanh về hành chính nhưng không buông lỏng kiểm soát rủi ro. Đây chính là giá trị cốt lõi trong thực tiễn Singapore mà Việt Nam có thể nghiên cứu và vận dụng khi hoàn thiện pháp luật về thủ tục đầu tư đặc biệt đối với dự án công nghệ cao.

2.3. Một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Trong những năm gần đây, Việt Nam đã có những bước tiến đáng kể trong hoàn thiện khung

7) Parliament of Singapore (1961, 2020). *Economic Development Board Act 1961 (2020 Revised Edition)*. Nguồn: <https://sso.agc.gov.sg/Act/EDBA1961>. Truy cập ngày 10/01/2026.

pháp lý nhằm rút ngắn thời gian xử lý thủ tục đầu tư đối với các dự án công nghệ cao. Điểm nhấn quan trọng là việc lần đầu ghi nhận khái niệm “thủ tục đầu tư đặc biệt” tại Điều 36a Luật Đầu tư 2020 (sửa đổi năm 2024), tạo cơ sở để Chính phủ ban hành Nghị định số 19/2025/NĐ-CP nhằm cụ thể hóa cơ chế ưu tiên về quy trình trong thực tiễn quản lý đầu tư. Lộ trình cải cách này tiếp tục được kế thừa tại Luật Đầu tư 2025, dự kiến có hiệu lực từ ngày 01/3/2026, hình thành một trục pháp lý xuyên suốt cho cơ chế “luồng xanh” đối với các dự án chiến lược như bán dẫn, trí tuệ nhân tạo và công nghệ số. Tuy nhiên, so với mô hình fast-track đã vận hành ổn định tại Singapore, pháp luật Việt Nam hiện vẫn chủ yếu tiếp cận theo hướng cải cách thủ tục hành chính, trong khi còn thiếu các yếu tố cấu thành một cơ chế fast-track thực chất về mặt thể chế và thực thi. Từ đó, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm quan trọng như sau:

2.3.1. Cần kiện toàn thiết chế điều phối để vận hành thực chất thủ tục đầu tư đặc biệt

Mặc dù pháp luật Việt Nam đã ghi nhận thủ tục đầu tư đặc biệt, song kinh nghiệm từ EDB của Singapore cho thấy nếu không có một cơ quan điều phối có thẩm quyền thực chất, nhà đầu tư vẫn có nguy cơ rơi vào tình trạng “tắc nghẽn liên ngành”. Do đó, Việt Nam cần nghiên cứu theo hướng thí điểm trao quyền điều phối liên ngành có điều kiện cho Ban quản lý các Khu công nghệ cao hoặc một đầu mối chuyên trách, trên cơ sở cơ chế ủy quyền rõ ràng từ các bộ, ngành trung ương, thay vì để nhà đầu tư tự mình tiếp cận rời rạc từng cơ quan quản lý.

2.3.2. Từng bước chuẩn hóa hệ thống hậu kiểm kỹ thuật dựa trên dữ liệu số

Trong khi Điều 36a cho phép đơn giản hóa tiền kiểm để rút ngắn thời gian khởi công, bài học từ Singapore cho thấy fast-track chỉ bền vững khi đi kèm cơ chế hậu kiểm hiện đại. Việt Nam cần xây dựng lộ trình pháp lý từng bước công nhận dữ liệu số và hệ thống quan trắc tự động là công cụ giám sát chủ yếu đối với các dự án CNC, trước mắt có thể thí điểm tại các khu công nghệ cao trọng điểm, từ đó tiến tới luật hóa trong các văn bản chuyên ngành về môi trường và công nghệ.

2.3.3. Phát triển hạ tầng “sẵn sàng đầu tư” gắn với thủ tục đặc biệt

Thực tiễn từ JTC của Singapore khẳng định rằng thủ tục đặc biệt chỉ thực sự phát huy hiệu quả khi được đặt trong bối cảnh hạ tầng kỹ thuật đồng bộ và mặt bằng pháp lý sẵn sàng. Việt Nam cần đầu tư trọng điểm vào một số khu công nghệ cao chiến lược, nơi đã hoàn tất quy hoạch, đánh giá tác động môi trường tổng thể và chuẩn bị sẵn hạ tầng năng lượng, viễn thông, dữ liệu, để nhà đầu tư khi áp dụng thủ tục đặc biệt có thể triển khai dự án ngay mà không tiếp tục vướng mắc ở các khâu chuẩn bị kéo dài.

2.3.4. Xây dựng cơ chế truy thu ưu đãi (clawback) nhằm bảo đảm tính nghiêm minh của thủ tục đầu tư đặc biệt

Hiện nay, pháp luật Việt Nam mới dừng lại ở cơ chế thu hồi dự án hoặc chấm dứt ưu đãi, nhưng chưa hình thành cơ chế truy thu lợi ích đã cấp đối với các dự án không đạt cam kết. Trong khi đó, Singapore sử dụng clawback như một công cụ đối trọng pháp lý đối với sự linh hoạt về thủ tục. Do vậy, Việt Nam cần nghiên cứu bổ sung cơ chế này, theo đó nếu dự án hưởng thủ tục đầu tư đặc biệt nhưng không đạt các mốc cam kết về giải ngân, công nghệ hoặc chuyển giao công nghệ, Nhà nước có quyền truy thu ưu đãi và áp dụng các chế tài tương xứng.

2.3.5. Từng bước tích hợp chính sách nhân tài vào cơ chế xử lý nhanh thủ tục đầu tư

Một điểm đặc trưng trong mô hình Singapore là sự gắn kết chặt chẽ giữa chính sách thu hút vốn và chính sách thu hút nhân lực công nghệ cao. Việt Nam hiện đang điều chỉnh các chính sách về visa và lao động cho chuyên gia nước ngoài, nhưng còn tách rời với thủ tục đầu tư. Do đó, Việt Nam cần nghiên cứu cơ chế liên thông giữa thủ tục đầu tư đặc biệt với thủ tục cấp thị thực và giấy phép lao động cho chuyên gia CNC, trên cơ sở phối hợp liên ngành giữa cơ quan đầu tư, lao động và xuất nhập cảnh, nhằm bảo đảm dự án CNC có thể vận hành thực chất ngay khi hoàn thành xây dựng.

Xem tiếp trang 307